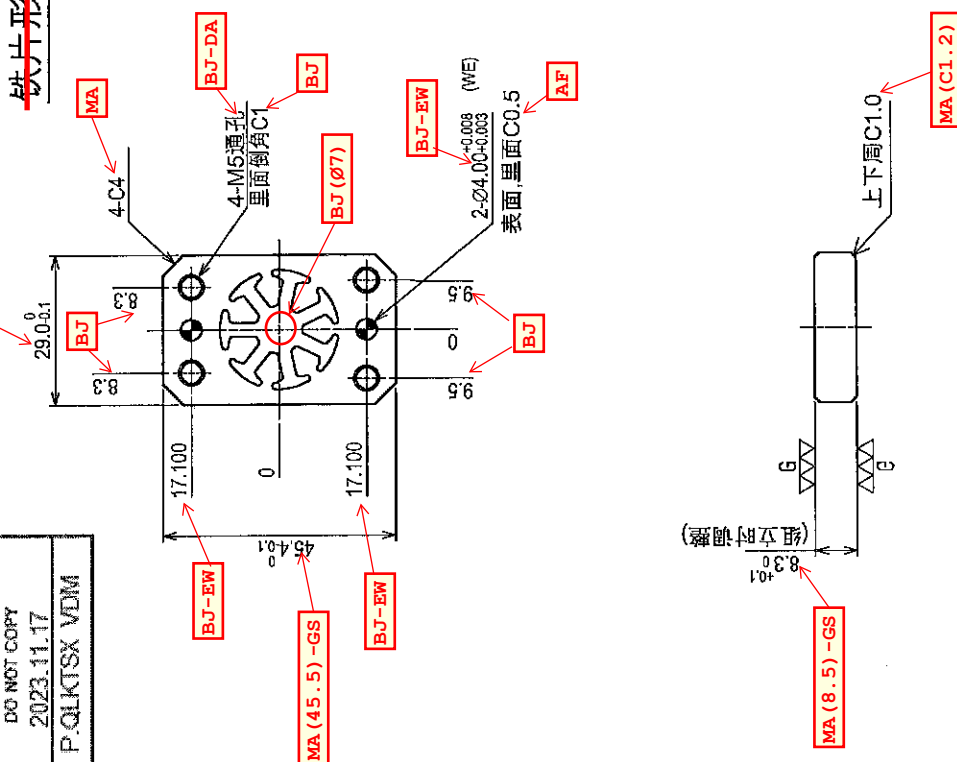


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF. No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
Init.	2022/09/09	新板设计	DGA-2222	张永海	张永海	王强	0.0000 ±0.0002 0.000 +0 0.005 -0.005
A	2023/06/25	增加寸法	DGA-2222	张永海	张永海	王强	0.000 ±0.0005 0.000 -0 0.000 ±0.001 0.000 +0 0.00 ±0.1 0.000 -0 0.0 ±0.1 0.000 -0 0. ±0.2 0.0 +0 0. ±0.1 +0.1
A							0.0 ±0.1 +0.1
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED							
FINISH MARKS							
140.00° A							6 WE W(wwwwww)

铁片形状无指头部分公差为 ± 0.01



(WE)
铁片形状部详细 (5/1)

CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Wang Wei	SKD11		部品図	ストリッパー
DSGND.	SURFACE		SCALE	STRIPPER
Wang Guihua		1:1	部品図	脱模器
DWN.	QUENCHTEMPER	SIZE	DATE	DWG.No.
Wang Guihua	HRC 60 ~62	A3	2022/09/09	R485771

SNO: **R485771**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKD11 T13*34*51	AA:20 MA:30 BJ:40 DA:15 HT:40 GS:40 EW:150 AF:15 KT